

TRUNG-BAC

Số Tết Giáp-Thân CHU NHẬT



見自中
教隔凝
入頭收
日三想
斷三想
斷三想
侯色樓

Trang thơ
S. B. B. B.
Hương

CHU NHẬT

1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 2180, 2181, 2182, 2183, 2184, 2185, 2186, 2187, 2188, 2189, 2190, 2191, 2192, 2193, 2194, 2195, 2196, 2197, 2198, 2199, 2200, 2201, 2202, 2203, 2204, 2205, 2206, 2207, 2208, 2209, 2210, 2211, 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218, 2219, 2220, 2221, 2222, 2223, 2224, 2225, 2226, 2227, 2228, 2229, 2230, 2231, 2232, 2233, 2234, 2235, 2236, 2237, 2238, 2239, 2240, 2241, 2242, 2243, 2244, 2245, 2246, 2247, 2248, 2249, 2250, 2251, 2252, 2253, 2254, 2255, 2256, 2257, 2258, 2259, 2260, 2261, 2262, 2263, 2264, 2265, 2266, 2267, 2268, 2269, 2270, 2271, 2272, 2273, 2274, 2275, 2276, 2277, 2278, 2279, 2280, 2281, 2282, 2283, 2284, 2285, 2286, 2287, 2288, 2289, 2290, 2291, 2292, 2293, 2294, 2295, 2296, 2297, 2298, 2299, 2300, 2301, 2302, 2303, 2304, 2305, 2306, 2307, 2308, 2309, 2310, 2311, 2312, 2313, 2314, 2315, 2316, 2317, 2318, 2319, 2320, 2321, 2322, 2323, 2324, 2325, 2326, 2327, 2328, 2329, 2330, 2331, 2332, 2333, 2334, 2335, 2336, 2337, 2338, 2339, 2340, 2341, 2342, 2343, 2344, 2345, 2346, 2347, 2348, 2349, 2350, 2351, 2352, 2353, 2354, 2355, 2356, 2357, 2358, 2359, 2360, 2361, 2362, 2363, 2364, 2365, 2366, 2367, 2368, 2369, 2370, 2371, 2372, 2373, 2374, 2375, 2376, 2377, 2378, 2379, 2380, 2381, 2382, 2383, 2384, 2385, 2386, 2387, 2388, 2389, 2390, 2391, 2392, 2393, 2394, 2395, 2396, 2397, 2398, 2399, 2400, 2401, 2402, 2403, 2404, 2405, 2406, 2407, 2408, 2409, 2410, 2411, 2412, 2413, 2414, 2415, 2416, 2417, 2418, 2419, 2420, 2421, 2422, 2423, 2424, 2425, 2426, 2427, 2428, 2429, 2430, 2431, 2432, 2433, 2434, 2435, 2436, 2437, 2438, 2439, 2440, 2441, 2442, 2443, 2444, 2445, 2446, 2447, 2448, 2449, 2450, 2451, 2452, 2453, 2454, 2455, 2456, 2457, 2458, 2459, 2460, 2461, 2462, 2463, 2464, 2465, 2466, 2467, 2468, 2469, 2470, 2471, 2472, 2473, 2474, 2475, 2476, 2477, 2478, 2479, 2480, 2481, 2482, 2483, 2484, 2485, 2486, 2487, 2488, 2489, 2490, 2491, 2492, 2493, 2494, 2495, 2496, 2497, 2498, 2499, 2500, 2501, 2502, 2503, 2504, 2505, 2506, 2507, 2508, 2509, 2510, 2511, 2512, 2513, 2514, 2515, 2516, 2517, 2518, 2519, 2520, 2521, 2522, 2523, 2524, 2525, 2526, 2527, 2528, 2529, 2530, 2531, 2532, 2533, 2534, 2535, 2536, 2537, 2538, 2539, 2540, 2541, 2542, 2543, 2544, 2545, 2546, 2547, 2548, 2549, 2550, 2551, 2552, 2553, 2554, 2555, 2556, 2557, 2558, 2559, 2560, 2561, 2562, 2563, 2564, 2565, 2566, 2567, 2568, 2569, 2570, 2571, 2572, 2573, 2574, 2575, 2576, 2577, 2578, 2579, 2580, 2581, 2582, 2583, 2584, 2585, 2586, 2587, 2588, 2589, 2590, 2591, 2592, 2593, 2594, 2595, 2596, 2597, 2598, 2599, 2600, 2601, 2602, 2603, 2604, 2605, 2606, 2607, 2608, 2609, 2610, 2611, 2612, 2613, 2614, 2615, 2616, 2617, 2618, 2619, 2620, 2621, 2622, 2623, 2624, 2625, 2626, 2627, 2628, 2629, 2630, 2631, 2632, 2633, 2634, 2635, 2636, 2637, 2638, 2639, 2640, 2641, 2642, 2643, 2644, 2645, 2646, 2647, 2648, 2649, 2650, 2651, 2652, 2653, 2654, 2655, 2656, 2657, 2658, 2659, 2660, 2661, 2662, 2663, 2664, 2665, 2666, 2667, 2668, 2669, 2670, 2671, 2672, 2673, 2674, 2675, 2676, 2677, 2678, 2679, 26



QUAN-NIÊM VỀ NGHỆ-THUẬT CỦA NGƯỜI ĐÔNG-Á

Tổng-quát như thế, mới nghe tưởng là ngay liền, nhưng sự thực là như vậy.

Có xét quan-niệm về giá-trị chữ viết, tranh vẽ, âm-nhạc, văn-thơ, người ta sẽ thấy quan-niệm về nghệ-thuật của người Đông-Á như thế nào.

Một bài thơ hay, đối với người Đông-Á chẳng phải là một bài thơ gò gáp chữ, vần, âm, điệu cho đúng luật, lời cho chải chuốt đẽo đương mà thôi đâu. Chữ đúng, vần gieo

khéo, âm-diệu phong phú, bằng ấy thứ vẫn làm cho thơ hay, nhưng thơ không chỉ hay về những thứ đó, thơ hay không chỉ về những cái chứa trong bài thơ, còn hay về những cái ở ngoài bài thơ, hay về những cảm-giác, những ý-tưởng, những hình ảnh do bài thơ khơi gợi lên trong thần-trí người đọc nữa.

Cái hay ấy người ta thường gọi là cái hay ở ý tại ngôn ngoại nghĩa là cái hay do cái ý ở ngoài lời thơ tạo nên.

Một bài thơ ngâm lên, đọc lên, còn cho người ta thấy đó là một bài thơ do một nhà thơ đúc đản, gọt rủa tạo nên, còn cho người ta thấy những chữ, những vần, những điệu, chưa phải là một bài thơ hay.

Một bài thơ hay là một bài thơ nghe tưởng không phải là bài thơ nữa, mà vẫn chan-chứa ý thơ, chẳng những ở trong câu thơ mà cả ở xung-quanh câu thơ, ở ngoài bài thơ, ở trong trí óc người đọc thơ.

Cái hay ấy, người ta chỉ cảm giác, chứ không tả ra, nói ra được, nó giống dư-vị cho chén trà, hay cái dư-âm của khúc nhạc.

Một bài thơ nay là một bài thơ mà nhà thơ đã khéo dùng nghệ-thuật che giấu hết nghệ-thuật đi, khiến nó như là tự-nhiên thiên-thành, chứ không phải là do tài-nghệ của người làm nên.

Cái đẹp của một bài thơ cũng vậy, không phải ở những màu, những nét, những âm-thước, những cảnh-vật trong tranh.

Một bức tranh còn cho người ta nhìn thấy những thứ đó, một bức tranh còn là một bức tranh, thì chưa thể là một bức tranh tuyệt-mỹ được.

Một bức tranh tuyệt-mỹ phải cho người ta cái cảm-tưởng rằng đó là do thiên-thành, chứ không do nhân-lực. Bức tranh ấy phải cho người ta tưởng rằng đó là tạo-vật hiện lên mặt giấy với những cử-động, những hình-hình-tham-khí, tức là cái thiên-nhiên, cái không còn nghệ-thuật nữa.

Về âm-nhạc, cái quan-niệm nghệ-thuật của người Đông-Á cũng như về thơ, về tranh.

Một khúc nhạc còn cho người ta nghe thấy những tiếng tơ, tiếng sắt, tiếng của nhạc-khí (như nhị, đàn, hồ), chưa phải là khúc nhạc hay.

Hay, phải là những khúc nhạc nghe như tiếng khóc than ai oán, hoặc như tiếng mừng rỡ hân-hoan.

Một khúc nhạc hay phải là một khúc nhạc, nghe xong, người ta còn bàng-khương như tiếc nhớ cái gì, bồi-hồi như đứng trước non cao đồ-xô, nước bể lụt trời, mơ mộng như bay bổng lên Đổng-Lai tiên-cảnh, không-khiếp như đứng giữa bãi tha ma, băng-hải như sắp ra mặt trận...

Nghĩa là cái hay của âm-nhạc cũng giống cái hay của thơ, cái đẹp của tranh, là cái hay ở ngoài khúc nhạc.

Người Âu Mỹ lần thứ nhất đặt chân vào nước Tàu, nước Nhật hay nước Nam, tất sẽ lấy làm ngạc-nhiên hết sức, khi nhìn đến những thứ mà ta ham-thích nhất-chính, những thứ mà ta dùng để di-dưỡng tinh-tinh, tiêu sấu khiển muộn, những thứ thuộc về nghệ-thuật như chữ viết, tranh vẽ, âm-nhạc, văn-thơ.

— Chẳng hiểu những hàng chữ kia thì đẹp ở cái gì? Những tranh vẽ ngoạn-ngộ cảm hàng đăm mực kia thiếu cả tâm-thước, sai luật viên-cảnh (perspective) chẳng hay mỹ-thuật ở chỗ nào? Văn thơ chỉ mà nghĩa lời mớ-mò? Âm-nhạc thì nhẹ-nhàng ủy-mỵ nghe buồn ngủ quá!

Chắc-chắn là người Âu Mỹ đã sẽ bình-phẩm như vậy và cho là nghệ-thuật Đông-Á còn ở trạng-thái ấu-trĩ, hoặc đã tới thời-kỳ suy-vong.

Chẳng phải là người phương Tây có khinh-thị gì phương Đông, chỉ vì không hiểu tinh-thần nghệ-thuật phương Đông, nên người ta mới xét đoán lầm lạc như vậy.

Nghệ-thuật của một dân-tộc là cái tâm-hồn của dân-tộc ấy phát-biểu ra.

Mà tâm-hồn của một dân-tộc là do địa-lý, lịch-sử, phong-tục, tập-quan, văn-hóa của dân-tộc ấy, đời ấy qua đời khác, hun-dúc, kết-tinh nên vậy.

Phải có một tâm-hồn thuần Đông-Á thì mới thấu-triệt được hết cái tinh-thần của nghệ-thuật Đông-Á.

Đây chúng ta không nói đến tinh-thần nghệ-thuật. Vấn đề đó phức-tạp quá và cao-xa quá. Chúng ta chỉ nói qua về cái quan-niệm nghệ-thuật của người Đông-Á vì có hiểu cái quan-niệm đó thì mới có thể hiểu được tinh-thần nghệ-thuật Đông-Á.

Người Âu-Mỹ cho nghệ-thuật, — xét theo mục-dịch — là sự phát-biểu về đẹp, — xét theo phương-tiến — là sự giải-thích tạo-vật. Chỗ nào không có vẻ đẹp là không có nghệ-thuật; chỗ nào không có sự tâm-thước, sự điều-hòa theo tạo-vật, là chỗ đó không có nghệ-thuật. Nói nghệ-thuật là nói sự tự-thể, sự tần-bộ, sự tận-mỹ, tận-thiện, sự hoàn-toàn.

Quan-niệm về nghệ-thuật của người Đông-Á khác hẳn thế, tuy rằng người Đông-Á cũng cho rằng chỗ cùng-tột của nghệ-thuật là tự-tiên-thiện tận-mỹ, chỗ hoàn-hoàn.

Dạy cái tận-thiện tận-mỹ, cái hoàn-hoàn của người Đông-Á không chỉ là cái thiên-nhiên, như người Âu-Tây. Quan-niệm nghệ-thuật của người Đông-Á đặc-biệt nhất ở chỗ siêu-nghệ-thuật, siêu-thiên-nhiên.

Nghệ-thuật chỉ đạt tới đích khi nào được siêu-thoát, được giải-phóng, đưa đến chỗ hư-vô, چه lấp hết nghệ-thuật.

Đến chữ viết cũng thế, chẳng phải chữ tốt ở những nét phẩy, nét móc, nét chấm, nét sổ, nét ngang mà thôi.

Nét bút chẳng có nghĩa gì, chẳng gọi được là có nghệ-thuật, nếu chữ viết ra chẳng gây cho người ta một cái cảm giác gì ở xung-quanh bên ngoài chữ viết.

Đặng-Hoàn-Bạch chép sách *Thi-Phẩm* của *Ngao-khi Chi*, *Bao-thận-Bà* viết bài hát khen chữ viết của Đặng rằng:

«Khả dĩ biến thiên thời chi thư-thâm, dịch nhân tâm chí ai lạc».

Nghĩa là:

«Cổ thể biến cải khi thời, thâm của tiết trời, đổi được sự buồn, vui của lòng người».

Trong sách *Cổ Kim thư-binh*, Viên Ngang bình-phẩm các lối chữ của các nhà thư-thành (viết chữ tốt như Thánh) Trung-hoa như thế này:

Trương-Bà-Anh viết chữ như Vũ-dê mớ đồ, muốn bước vào cõi thanh-hư lên tiên; chữ của *Vương-hữu (Hàn Hy-Chi)* như rồng nhẩy cửa trời, hồ nằm lâu phương; chữ *Vũ-Long* như cổ gài tung hoa nhẩy múa, soi gương, cười xuân.

Sách *Mê-lị-thư thư-binh* viết:

Chữ *Liêu-Công-Quyên* như kẻ sĩ dể đạo nơi rừng thâm, tu luyện đã thành, không còn một điểm gì gọi là cái khi trần tục; chữ của *Nhan-chân-Khánh*, thì như *Hàng-Vũ* giờ kiếm, *Phân-Khoai* xung-dội, cung mãnh chực giương, cổ sắt sắp dựng, ngang nhiên có vẻ bất khả xâm-phạm; chữ *Tha-Trương* viết như cổ gài tơ, lung-lẫy gien-kiền, thướt-tha nhẹ bước, ngọc giá vàng đeo.

Nعم vậy, ta thấy rằng mục-dịch nghệ-thuật Đông-Á là gây cho người ta một cái cảm-giác gì ở ngoài tác-phẩm.

Một tác-phẩm nghệ-thuật có giá-trị tuyệt-đẹp là một tác phẩm không có tác-phẩm, tức như bài thơ không phải làm một chữ nào cho người ta khen bài thơ lý-Bạch tạng *Ưng-Lân* (1) cây dân không có giấy mà Đao-Tiền thường ôm — nhưng không gây — những khi ru-từ hoặc hoan-tặc.

Nói một cách khác, một tác-phẩm nghệ-thuật tuyệt-xảo tuyệt-mỹ không phải là một tác-phẩm nghệ-thuật nữa. Nó vượt lên trên nghệ-thuật rồi, nó không có nghệ-thuật nữa, không cần nghệ-thuật nữa. Tức là một tác-phẩm, ở con mắt người ngoài không thấu triệt tinh-thần nghệ - thuật A-Đông, không có nghệ-thuật gì cả.

Như thế, phải là người Đông-Á thấu-triệt tinh-thần nghệ-thuật Đông-Á, nuôi trong óc cái quan-niệm nghệ-thuật thuần Đông-Á, mới lý-hội được cái cách-diện tuyệt mỹ tuyệt-xảo của tác-phẩm nghệ-thuật.

Cái cách-diện ấy là ở chỗ thiên - thành, ở chỗ tự-nhiên. Nhưng cũng cùng tột của nghệ-thuật lại không ở chỗ đó, không ở chỗ thiên-thành, tự-nhiên, mà ở chỗ siêu-tự-nhiên, ở chỗ thần-hóa.

Một tác-phẩm tuyệt diệu phải là một tác-phẩm thần-diệu.

(1) Bài thơ kỷ nguyên văn xưa nay:

Lý-Bạch thừa thuyền tương độc hành,
Tiết vũ ngân thượng đáp ca thanh.
Đào hoa đắm thủy thâm thiền tịch,
Hải cấp ưông Loan tiếng ngát thanh.

Dịch:

Lý-Bạch ngồi thuyền sắp muốn đi,
Trên bờ vắng nổi nhịp ca gì?
Đào hoa chìm dưới nước thâm thiền,
Chẳng nghe tiếng vọng lên mà về.

(Xem, dẫn chuyện tặng thơ này ở trang 154-155 và h Thi-Thoại của Văn-Học, Quốc-Học Thư-xã xuất bản.)

Một khúc nhạc tuyệt-diệu, phải là một khúc nhạc có thể gọi mây, thét gió, làm cảm-dộng được cả cây cỏ chim muông (Như chuyện *Hoàng-Nương* trong *Liêu-trai chi-đi*) hoặc làm tan-rã trái tim sắt đá của trăm vạn hàng-binh như khúc địch của *Trương Lương* đời Hán.

Một bài hát tuyệt-diệu, phải là một bài hát nhóm được lửa nóng, luồn được mưa lũ, làm cháy hay làm lụt được cả một vùng. (Xem bài *Một khúc dân hát có thể gọi gió bão mưa* ở trang T. B. C. N. số 170).

Một bức tranh tuyệt-diệu là một bức tranh như bức tranh *Ninh-Vương* đời Đường vẽ sáu ngựa, mà sau biến mất con ngựa *Ngọc-diệu Hoa-thông* của *Đường Minh-Hoàng* chỉ còn tro lại năm con (1); như bức tranh *Vương Dục* vẽ tăng đã lớn tạng *Kỳ-Vương* mà một đêm giông-tố tăng đã bỗng bay sang nước *Cao-ly* mất, sáng dậy chỉ thấy còn lại giấy trắng và trục tranh (2); như bức vẽ rồng của *Trương-tăng-Điền* đời Tống ở vách chùa *Đông-An Kim-Lăng* điểm nhơn xong thì có tiếng sét vang trời, hai con rồng vùng biển mất (3); như bức vẽ rồng của *Trương-tăng-Điền* trên xa miếu vua *Vũ ở Cối-kê*, một đêm mưa gió, rồng bay xuống hồ (4); như bức tranh *Phật* do *Trương* vẽ ở chùa *Thiền-hoa-tự* đêm đến tranh Phật phóng hào-quang sáng rực cả chùa (5); như tranh ngựa của họa-sĩ *Kandoka* ở nước *Nhật* hồi thế-kỷ thứ 9 đêm đến ra đồng phá bụi hoa màu (6); như những con chuột họa-sĩ *Sesshus* (1120-1506) ở nước *Nhật*, họa bằng nước màu, mà hóa thành chuột thật chạy ra cắn đứt giây trói họa-sĩ ở cột chùa (7).

Một bài văn tuyệt-diệu phải là một bài văn làm cảm-hóa được vật-loại như văn tế ca của *Hàn-Dũ* đời Đường; hoặc cảm-thông được với cõi vô-hình như bài văn tế của *Khổng-Minh* khiến hồn chiến-sĩ trận-vong nghe mà cảm-dộng khốc-lốc.

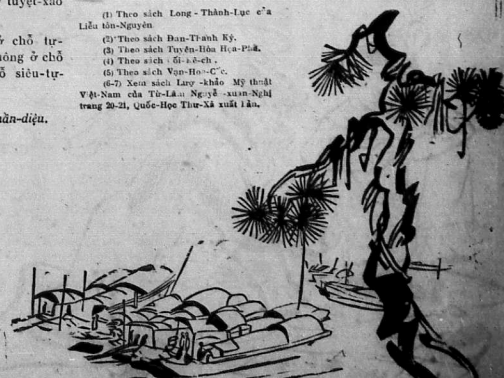
Một bài thơ tuyệt-diệu là một bài thơ làm cho quỹ khiếp thần kinh, chừa On phải cung phục như bài *Chinh-khi ca* của *Văn-Thiên-Trường* đời Tống.

Chữ viết tuyệt-diệu là chữ viết có thần-lực anh-linh vạn pháp trừ là chân-trạch, phải hộ độ trí được cho người ta.

Nghệ-thuật mùa kiếm tuyệt-diệu ở chỗ kiếm-sĩ ngồi yên một chỗ mà lấy đầu kẻ thù ở muôn dặm xa xôi v. v.

Lê văn-HOÈ

- (1) Theo sách *Long - Thành-Lục* của *Liêu-tân-Nguyên*.
- (2) Theo sách *Ban-Tranh Kỳ*.
- (3) Theo sách *Tuyên-Hóa Hòa-Pha*.
- (4) Theo sách *Ghi-vệch*.
- (5) Theo sách *Xuân-Hu*.
- (6-7) Xem sách *Lưu-khảo Mỹ thuật* Việt-Nam của *Từ-Lân Nguyễn-xuân* xuất bản.



(1) Bản dịch của Hoài Trần.

CHỮ HÁN XƯA VÀ NAY

MỘT CHỮ BÁN MƯƠI NGHÌN ĐỒNG

BÊN TÀU HIỆN NAY:

Nhà văn : 1000 chữ 15 đồng
Thợ sắp chữ : 1000 chữ 15 đồng
Cu-ly xe : mỗi ngày 60 đồng

Có một hiện-tượng kỳ cũng lạ lùng mà để thường không ai để ý. Mấy năm nay, chiến tranh làm cho vật giá tăng cao đến năm bảy lần, có thứ đến mười lần cho đến thái-bình. Từ gạo muối than củi cho đến quần áo của nhà, trải qua trăm thứ nghìn thứ cần dùng cho cuộc sinh hoạt của người ta, nhất nhất giá đắt bán cao đến phải khiến ta nhún nhún, kinh ngạc. Tôi đi để ngai tìm ra một vật liệu gì cứu được bình-thoái, khoan nói tăng giá.

Thế mà chỉ có một môn hàng gọi là môn ăn tinh thần, thì lại sự giá. Nó sự giá một cách không thể tưởng tượng.

Môn hàng ấy là chữ.

Chúng tôi muốn nói riêng về thứ chữ sự giá tệ hại nhất: chữ Hán.

Không hiểu hết năm nay, các ông giấy hồng-điều bút đại-tự nhà ta bán chữ ra thế nào? Chúng ta có thể đoán trước là không khá. Dù theo thời giá gạo hơn giấy đắt, một đôi câu đối bán nổi dăm bảy hào chẳng nữa, sánh với bình thời, chúng quy chữ cũng sự giá.

« Thời có làm gì cái chữ nhỏ » ông Tô-Xương đã than thở từ lâu ba chục năm trước, huống chi bây giờ.

Ngày ở Trung-quốc ta đất chôn rau cắt rốn của chữ Hán, hiện nay chữ Hán cũng kém sự giá không khác gì, có phần lại thêm tệ hơn.

Chẳng hạn với những đấng nào, thi-nhân lối-lạc như bang Vương-Duy đạo, thi-nhân làm họ người ta bài thơ hay bài trạm, cử tình giá một chữ ba bốn chục lượng bạc là thường.

Không hơn không kém, chỉ có một chữ — vàng, một chữ — bạc nói làm văn cũng có.

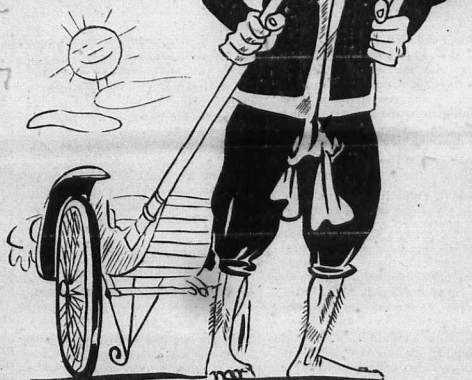
Một chữ bán được bạc vạn?

Có lẽ các ngài không tin, nhưng cứ cho phép tôi kể câu chuyện là vậy.

Ở phía bắc nước Tàu, nơi phân giới Trung-quốc và Mãn-châu-quốc ngày nay, có Sơn-hải-quan 山海關 là cửa ải trọng yếu và danh tiếng từ nghìn năm, ở trên có biển-nghech để năm chữ «天下第一關 Thiên hạ đệ nhất quan». Mỗi chữ lớn ngoài một trường, nét bút cực hùng-vĩ, hình như dưới triều Tự-Đức, cụ Hà-dinh Nguyên-

Thuật, một nhà chữ tốt, nhân dịp đi sứ Bắc-kinh cho đến xem tận nơi, nói rằng đứng nhìn mới không chán mắt.

Tương truyền năm chữ ấy xuất hiện từ đời Đường Huyền-Tôn, do người bát Lý Thái-Bạch.



Chẳng biết có thật chữ thành thơ họ Lý không, nhưng đến triều Khang-hy nhà Thanh cần thay một chữ, phải tốn vạn bạc.

Lúc nhà Minh mất ngôi, Mãn-Thanh làm chủ Trung-quốc, ở đất Xương-lê, tỉnh Trại-lê, có một danh-sĩ, Giang-quốc-Đông, lấy sự thi đỗ làm quan với di-tộc làm xấu hổ, bèn đặt vợ con đến Sơn-hải-quan ở ải, chỉ xem tướng số và bán chữ sinh-lai, vì Giang sở-trưởng về hai nghề ấy.

Nhà rất nghèo, ăn bữa đói lo bữa mai, nhưng Giang nhất định không thay đổi chi-hướng. Được ít lần mới phải bình nhai, trước khi làm chung, đưa cho vợ con một cuộn giấy dài, niêm phong kỹ lưỡng, cần đến ba năm sau hãy mở ra, thì suốt đời không đổi.

Người vợ nhớ lời, đúng ba năm sau lấy ra xem, tướng là chúc-thư chôn giấu vàng

bạc ở chừa xưa nơi biển nào, chẳng rợ gọi chỉ là một tờ giấy lộn, trên viết đọc-tru một chữ « — nhất », kèn theo mảnh giấy còn viết bốn câu ngũ ngôn sau này:

五字缺其一
數盡合便休
補字萬金值
還須皇帝求

Nghĩa là năm chữ thiếu đi một, số nó đến lúc hết, một chữ thay vào đó đáng giá vạn bạc, nhưng đợi nhà vua cầu đến sẽ xin ra.

(Xem tiếp trang 20)

Đào Trinh Nhất

Xuân Già

(Tiếp theo trang 15)

đến cùng chung vậy. Bởi vậy, ông già nước ta đến bảy tám mươi vẫn vui đời. Cụ Tam Nguyên Yên Đổ năm bảy mươi từ còn hào hứng ngâm rằng:

Lúc hừng dăng thêm ba chén rượu
Khí hùng ngâm lâu mới ngủ ngon.
Cũng muốn sống thêm trăm tuổi nữa
Cuộc đời say tình tôi cũng bực

Gần đây ông Nguyễn hữu-Chu, tục kêu là Đò Liên, cũng ngâm nên câu hay lắm là

Già không đời lại cũng là tiền
Nếu có cắt cụ già A Đòng học già thường

thả một con thuyền đi tìm nơi nước trí non tiên để đi dưỡng tính tình thì cái số người già mất đi lớn, chừa đi chăm mà hãy còn đem thân ra giúp nước phò vua cũng không phải ít. Ta đã từng thấy các cụ mỗi khi gần trăng mắt kén chỉ uống rượu ngâm thơ và hội họp đối người có nhân lại cười ha hả những cái thiên hạ khốc và khốc tâm lại những cái thiếu hạ cưỡi, sông những người già mà có tâm hồn trẻ, sống vui về giữa bọn thanh niên và hoa học sinh vào với bọn thanh niên không liêm. Thanh-niên và các ông già lúc đó họp thành những khối bàn vong niên không ai chia rẽ được, thanh niên thì nói những nước-vong của mình cho các ông già nghe mà các ông già thì đem những sự kinh-nghiệm của các một đời mình ra kể lại cho thanh niên học.

Ở xã-hội ta hiện nay những cái tình bạn như thế lại còn nhiều điều lợi hơn nữa bởi vì những người già theo hẳn học mà bọn trẻ thì theo Tây học, già trẻ mà chơi với nhau, hiểu biết nhau thì lại cái học có thể dùng học lại được mà văn-minh, văn-hóa của nước mình sẽ nhờ đó mà tăng tiến.

Ở xã-hội Tây Âu, những người trẻ tuổi khôn ngoan không bao giờ chia rẽ già trẻ ra làm hai phái như ta hiện thường thấy ở xã-hội ta. Già trẻ thường công sự với nhau. Thống-chế Lyautey đã bắt tuần rồi mà bọn thanh niên không nghĩ đến chùng quanh thế để phóng viên, đi học hỏi, đi nghe chỉ báo cho những lý lẽ để tin tưởng và hy vọng.

Ông han Maurois, hơn bốn mươi, vẫn cho mình là mới bắt đầu vào thời kỳ thanh niên nên hàng năm vẫn đi về một ông già, cụ Gabriel Hanotaux, để hầu chuyện dưới một góc cam có thụ.

Cụ Gabriel Hanotaux thường chỉ bảo cho ông Maurois nhiều điều hay lẽ phải, và tuy đã ngồi cứu tuần, cụ vẫn tỏ ra người can đảm và mạnh lẫm.

Mấy lời này của cụ được ông Maurois coi làm châm ngôn.

« Ông ơi, đây là máy tu-tướng mà ông nên đem ra nhấm một khi nào cần. Tâm thường làm nhưng bỏ ich. « Cái gì cũng đến... Cái gì rồi cũng bị quên đi... Cái gì rồi cũng được sắp đặt đến vào đây... Chẳng ai hiểu gì vào cái. Nếu ở đời ai cũng biết người đời nói gì về người đời, chẳng ai sẽ nói với ai... »

Đoạn, cụ lại tiếp:
« Cần nhất, là ta không bao giờ nên sợ hãi. Kể từ đây làm cho ông lui, ngày lúc đó, cũng sợ ông. »

Tuổi già xem vậy không phải là về lịch như người ta đi trường và chúng ta nên hiểu rằng ở trong tuổi già không phải là không có mùa xuân đâu.

Cái xuân của tuổi già có khi còn ý vị hơn cả cái xuân của tuổi trẻ nữa.

Bản Mỹ, có một ông bác-sĩ đã lập ra một cái trường để dạy các người già tìm ra cái xuân ở trong tuổi già của mình. Trường có bảy

ra nhiều công việc và làm trò chơi để cho học trò tìm thấy cái thú sống ở đời. Mỗi mùa xuân, cũng bày ra những tiệc tùng, hò hát, nhảy đầm, uống rượu. Chăm sóc của trường là « Hãy sống một thế kỷ » và trường ấy, trước khi xảy ra chiến tranh, năm 1939, có tới 900 học trò mà 300 đã mãn-niên, bắt đầu trở lên.

Chúng tôi không muốn lấy thí dụ đó để nói những ông già ở nước ta cũng vui chơi ở ạt như thế, nhưng bạn ý chỉ muốn tôi ra rằng: Ai mà yêu sống thì sẽ có sức khỏe để mà sống.

Và cũng để chứng tỏ rằng không phải chỉ có thanh-niên mới đáng hưởng cái xuân, mùa xuân không phải là mùa của thanh-niên mà thôi đâu.

Đó là mùa của tất cả các hạng người, của tất cả sinh vật trên mặt đất, miễn là người nào cũng biết cách tìm mà hưởng lộc của trời cho. Hưởng với người già, muốn được hưởng cái lộc đó, người ta phải có một cái đạo sống. Đó là cái đạo già, cái nghệ thuật già mà ông Nguyễn hữu Chu đã gói ghém trong hai dương luật dưới đây:

Già không đời lại cũng là tiền
Phải biết tu từ lúc thiếu niên
Nuôi khi tiết tình bồi dục địa
Tu tâm luyện tính bồi tiến thiện
Trẻ thông sinh đẻ, già thông chết
Ăn được diên hân, ngủ được yên

MỘT TRUYỆN KHÔNG NÊN ĐỌC VÀO LÚC GIAO THỪA

(Tiếp theo trang 9)

thờ cái bàn tay xóc rỗng. Ở đây chỉ có bốn ngón. Tiền đình đau.

— Còn thiếu!

Thần giữ của chúng còn phải nhai. Ngay lúc mới trông thấy thần cho một bàn tay chỉ có bốn ngón, ông Bả cũng đã nghĩ ngay đến cái ngón tay út bỏ quên ở nhà — cái ngón tay khô vàng bỏ trong cái túi da còng lẳng ở cổ người Khách hàn thuộc ơ. Ông lại nhớ rõ cổ cái người Khách hàn hỏi tất nói đến con chủ mà vào cái túi đeo ngón tay út đó ở ngực. Bấy giờ ông Bả mới hiểu.

— Vậy giờ người kia có cái ngón tay út của ta đó không?

Ông Bả lúng búng, không xếp được một câu trả lời cho gọn.

Tức thì thần giữ của liền truyền xuống, giọng đầy nghiêm khắc và giận dữ:

— Mày đừng lừa ta thì thực tốt họạ này. Mày ra ngay cho mau. Kẻo mất đường về. Ta hãy ta chết cho mày.

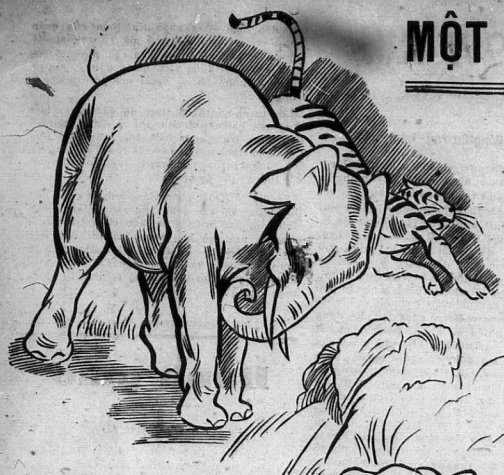
Và cái tay có bốn ngón chỉ thẳng ra phía của hòm. Ông Bả sợ không để đầu cho hết, không kịp lấy thần giữ của ta chết, vội lách mình qua kẽ đá, chạy vọt ra ngoài cửa hầm. Cửa hầm khép kín lại, và tiếng đàn ông và vang như sấm dạn mưa ngàn. Không lẽ chưa thì chết một phút như mất mặt là ông Bả ngấm mắt đường về.

Cái kho với kìm ngấu ở Ngưu Sơn Lĩnh ấy trở nên vô chủ rồi từ đây về sau này đã tan vào lòng đá, hóa thành loài khỉ hoang. Và cái thần giữ của vô thừa tự lại — vì không có ai đến tìm để mà già được của — không thấy thoát nổi, đã biến thành một thứ hồn oan của núi muốn thối, liếm vào lòng sơn lâm, và vào những kỷ đi rừng, thường góp thêm phần ru vào với gió đéo vi vu.

Nguyễn Thuận

TRUYỀN NGẮN ĐẦU XUÂN CỦA HỒ DzếNH

18



MỘT LỜI THƯỜNG XUÂN

(Huế). Tại đây có lần đàn tới 40 con voi, và voi quật chết tới 18 con hổ trong một buổi trưa.

Dưới triều Gia-Long thời nơi voi dẫn với cạp ở hữu ngạn sông Hương, gần cầu Tràng-tiền. Nơi này không có chỗ xây riêng, nên phải huộc cạp và voi, mỗi con vào một cái xích-sắt dài, ngoài cổ ngán hàng rào.

Người ta lại kể rằng có lần một con voi cái, vì không ngà, nên phải dùng trum để hạ cạp. Voi cái xéo lên cái xích cạp rồi đi lần lần lại chỗ cạp, định chụp cái xích cho mắc xích, để dễ xéo lên mình cạp. Nếu câu chuyện này thực, thời voi cũng có mưu-trí lắm. Người ta lại kể có lần voi thấy voi đến, gầm những tiếng rừ-rừ, rồi hét sặc vang mình lên rồi voi ngơ dáo xích đứt, cạp chồm nhảy xô qua hàng rào người. Thời bấy giờ thiên-hạ huyền-náo, xéo

Theo sự phỏng đoán của người ta, các vị vua chúa nước ta ngày trước, mỗi khi xuân đến thường chỉ uống rượu, xem hoa, ngâm thơ, đánh cờ. Không phải. Sự thường xuân một cách yên lành, phong lưu như thế, người ta thấy nhiều, nhưng không phải ông hoàng bà chúa hay bất cứ vị đế vương nào cũng vậy. Bởi xưa cũng có những vị thích tiêu khiển bằng những cuộc mua vui rất ồn ào như cho hai con thú thi võ, để nghe những tiếng gầm thét, để trông thấy những giông màu đỏ của hai thú vật đồ ra.

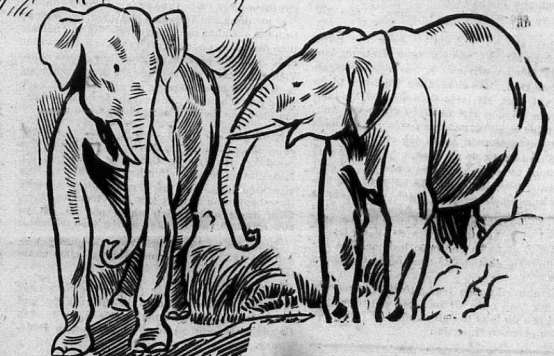
Chúng tôi muốn nói đến những cuộc voi đấu với hổ, có lẽ còn vào dịp xuân rất được dịp Minh-Mệnh ưa thích.

Hiện nay, di tích chỗ diễn những trò ấy vẫn còn, tức là Hồ-quyên ở làng Nguyệt-Biến, cách xa ga Huế không đầy một chục cây số.

Một cái sân rộng hình tròn, đường kính-tam hơn ba mươi thước tây. Xung quanh có tường dày xây cao đến bảy thước. Bên trên trồng: thiên; phía trước có một cái cửa chính, phía sau có năm cửa. Ba cửa giữa thông với hai chuồng cạp, hai cửa bên thông với hai chuồng voi.

Phía ngoài có bãi thưng lên trên cho người xem, rộng hai thước, bao quanh ở phía trên, có lan-can ngăn và để làm chỗ vịn của khán-giả. Về mùa xuân, tiết trời ấm áp, nhà vua từ Đại-Nội ngự lên Hồ-quyên (thường dùng đường thủy. Đến Hồ-quyên, Nhà Vua bước lên thưng. Các triều-thần theo sau. Chỗ Nhà Vua ngự có bậc cao, bốn thiết đẹp để và bốn bậc dành dành cho bốn bên. Ở trong trống ra, cây cối, núi non sống nước dưới bầu trời xuân đã hiện hiện như thực như mộng vậy.

Một tiếng truyền xuống, quân lính rút cửa, dưới cạp ra sân trước. Một tiếng cạp, cạp nhảy vào giữa sân, nghe tiếng người xôn-xoay ở trên bờ tường người mất lên nhìn, gầm mấy tiếng, nhưng biết tường cao chẳng voi lên được, đành quay lại nhìn phía sau, thời đã thấy quân lính vào dưới một con voi ra. Voi vươn vòi, chạm đập, bốp, bốp, mạnh mẽ bước ra, thấy cạp nghĩ ngửa đến sự chẳng lành; hai giông này có lẽ để hạ mình. Cạp gầm, vòi rút, cạp nhảy lên bốn voi, voi dùng xéo lên mình cạp, và định lấy ngà xén, nhưng cạp nào có chịu thua, lãnh sang bên rồi lại



nhảy lên mình voi, dùng vuốt bấu, dùng nanh cắn xé. Voi quật vòi ra sau định gõ, nhưng không công-hiệu, liền đeo cạp chạy lại sát tường, định ép cạp vào tường. Cạp không ngờ đang mãi cào, cào, xé, thời bị xát mình vào tường, vừa đau vừa giận. Gầm đi gầm lại! Tiếng trên, tiếng hò hét xôn-xao, ồn ào... Dưới sân, cạp gõ mãi mới lần được mình xuống đất, thời đã bị ngay bốn cái chân vướng như bốn cái cột nhà bao quanh. Cạp lừng-từng gõ nói không ra khỏi vòng vây. Cạp vội chỉ chăm chăm định xéo lên cạp, nhưng xéo được lên một giông anh-hùng nhất thống nơi rừng xanh, cũng không phải là dễ!

Truyền voi đấu với cạp mỗi người kể một khác, nhiều đoạn lại khó tin nữa. Theo như nhiều người nói không ra khỏi vòng vây. Cạp vội chỉ chăm chăm định xéo lên cạp, nhưng xéo được lên một giông anh-hùng nhất thống nơi rừng xanh, cũng không phải là dễ!

Người ta lại kể rằng: Hồ-quyên xây dưới triều Minh-Mạng. Còn dưới triều Vũ-Xương thời cách tiêu-khiên này diễn tại còn dạ-viên,

lên nanh mà chạy! Nhưng may quân lính dám ngay được cạp, rồi lại mang cạp vào cho voi tung lên trời cho hạ giận. Xong lấy lửa thiêu rêu. Vì người mình tin rằng rêu có độc ra than hóa với nước, thành một vị thuốc độc rất công-hiệu.

Về việc bắt cạp thời lính họ thành đoàn gọi là Vọng-thành. Đội lính này phân nhiều là dân làng Thủy-hà (Quảng-trị). Vì họ có tiếng về môn bắt sông cạp. Họ thấy cạp liền bọ vậy, rồi có một phương-pháp riêng dùng dây dẫn cạp vào lấy rất dễ dàng. Có người lại còn kể rằng dân làng Phú-bái khi xưa có nhiều người biết bùa chú, hề thấy cạp thời chỉ buộc một đạo bùa vào con dao mác, cầm xuống đất gần chỗ cạp nấp, thời tự-nhiên cạp chỉ quanh quẩn đây không đi xa được nữa, rồi tự dưng thân vào cũi cho họ đem nạp để dùng đấu với voi nơi Hồ-quyên. Đáng tin hay không, ta chỉ nên biết rằng làng Phú-bái hiện nay cách thành-phố Huế độ 15 cây-số và theo hân-trí thời hai chữ Phú-bái nghĩa là « là bùa ». Vậy thời trong làng ấy tất nhiên khi xưa có nhiều thầy pháp-thầy cò tay, nên làng ấy mới có danh-hiệu là Phú-bái. Lập-lập như vậy cũng không phải là sai.

Sau cạp đi với voi bị bắt-là dễ dàng bao nhiêu thời sân voi đối với tay chuyên môn cũng được dễ-dàng như thế: người ta lập sân mấy con voi cái thật khôn, rồi khi muốn

ĐẶC-BIỆT CỦA CÁC VỊ VUA CHúa ĐỜI XƯA

CỦA TỪ-LÂM NGUYỄN XUÂN NGHỊ

sân voi, họ thả voi cạp vào rừng đi rừng voi đưc. Voi cái lại tiếng về « thối-thối » quẩn đi voi đưc và khi thời voi đưc đi ngày-ngày đi « tinh », thời voi cái giữ-tĩnh chạy-chạy, voi đưc đuổi theo, thế là mắc mưu. Voi cái sẽ chạy về chỗ nấp của bọn đi săn, nếu voi đưc cứ nhấm mắt đuổi theo đến đây sẽ bị những sợi giây thừng thật to buộc chặt cả bốn chân lại. Rồi họ dùng voi cái dẫn về một nơi, không cho ăn uống chỉ cạp, vài hôm sau khi hung voi đi tới, voi cái đã hoa vì đói, họ mới nói xích rồi cho ăn ít, bắt làm nhiều việc nặng-nề. Đầu đầu voi rừng phải chịu thuần-phục.

Dưới triều Đức-Thành-Tổ (Minh-Mạng) binh-chế nước ta chia ra làm 3 bộ: thủy, lục, kỵ và pháo-thụ binh. Về tượng-binh, số voi nuôi trong nước tới 500 con. Riêng Kinh-thành nuôi 150 con, Bắc-thành 110 con, Gia-Định 70 con.

Nhà Vua cần đến nhiều voi như thế, cho nên phải mua thêm ở Cao-Mên. Việc mua voi thời cứ tính chung-bình 40 lượng bạc một con voi cao 1 thước lại 60 và 50 lượng một con voi cao 2 thước.

Nhà-chi-triêu voi của Nhà-Vua, tướng cũng nên nhắc đến đại-tướng Nguyễn-Đức-Xương, một tay anh-hùng rất có công dưới triều Gia-Long. Ông không những có võ tướng-binh lại kiêm cả văn-chức nhà vua phong cho ông « Việt-Nam Quốc Khâm Sai, Trưởng-tướng quân, Lãnh tướng-chính, cai tạo-vụ quân-công ».

Ông Nguyễn-Đức-Xương có tập láp cho voi ra sân trong các tập trận giả. Tập trận giả thường tập về buổi tối. Một đêm không trăng, không sao, một đêm tối như mực; nên không có được thời dùng cách sai thuốc để không nhàn-thấy mặt người. Tại « rừng tập trận » quân chia ra làm hai đội: đội quân Nhà-Vua và đội quân-bị địch. Dẫn trận xong, lúc tiến, lúc thoái, quân lính hò hét, voi réo inh tai, tiếng trống, tiếng thanh-la đầy đất; được thập pháp-chúng, lửa đỏ, khói bốc... Người ta phóng những ngọn lao với nhọn vào mình voi, người ta với những quàn rơm kết hình người vào chân voi cho voi sợ lên trên, cho voi tung lên cao! Người ta lại đốt cả những ống lình nổ tiếng vang trời, để cho voi lập quعن

khởi sợ tiếng sấm. Những buổi tập trận như vậy thường diễn trước mặt Nhà-Vua.

Lúc thiết ra trận để lập công, voi rất bạo. Một khi đã nghĩ thay mũi thuốc xông và bị quàn-thưng lay lắt, thời voi can đảm hùng-dũng xông vào quàn địch: ngà húc, vòi quàn, chân dậm, rút lui-hạ. Nhưng từ khi người Bồ-đào-nhà tìm được cách làm tên lửa vào đầu voi, làm cho voi mất cả trí khôn, tự-nhiên lỏng lẻo rồi có khi lại quay trở lại phản-kháng quân Nhà-Vua nữa! Họ lại còn nghiêm-ràng lui đánh trận giáp lá-cá, voi vì đã dấy nên khó khăn thường được, nhưng nếu đâm vào chỗ hiểm, thời chỉ một mũi gươm nhọn cũng có thể làm voi đưc sức voi; chỉ cần 1 cây là nơi hang, chờ cho đứt liền voi thối voi. Vì những lẽ trên cho nên tượng-binh dần dần giảm bớt.

Voi là một giống vật rất tinh và có nghĩa. Người tỉnh Quảng-Nam thường kể truyện:

Khi xưa Hoàng-Thủy, tướng Tây-Son, bị binh Nhà-Vua đuổi đánh, cuối voi chạy tới con sông gần động Phong-Nhà, thời trong đám quân nhiều người sợ hãi bầm vào mình voi. Như vậy mà voi của Hoàng-Thủy vẫn cứ điềm-nhiên lội qua sông, không lặn lại một người lính nào. Nhưng sau nhiều lần làm voi quá, làm can trở không thể đi được, bầy giờ voi mới rẽ lên những liềm như thao-phần, như mắng nhiếc bọn lính hèn nhát kia không biết nghĩa-vụ! Cờ chàng đã Hoàng-Thủy phải rút gươm ra chém những lính bầm vào voi, mới chạy thoát. Đoàn này ta nghiêm thấy voi đáng khen, mà bọn lính sợ chết kia đáng chê tội đáng phạt!

Voi nhiều khi có công-trang nên được nhà vua trọng-đãi lắm; một lần tập trận ở dưới cạp phong trước và khi từ-trận có lập đền thờ, như đền Long-châu tập dưới triều Gia-Long thờ vị thần báo-trừ (Trợ-vai tướng-vô linh-thần hộ-tướng chi thần) và bổn ông voi có công: Rê, Bích, Nhị, Bôn.

Truyền rằng: ông voi Rê rất có công, mấy lần ra trận bị thương mà vẫn đầy nhiệt-huyết, biết tiến chứ không biết thoái. Nhưng một lần bị giặc bắn nhiều mũi tên độc trúng mình



và bị mũi phóng đâm sâu vào thịt không thể chịu nổi, đành vùng quây quây trở về, nhưng chưa tới chân thành thì kiệt lực không chịu nổi nữa, nên phước xuống đất, rên lên mấy tiếng thật to, như có ý muốn báo đến tai nhà vua biết cái chết vinh-hạnh của mình. Binh lính nghe thấy tiếng voi, để số lại cạp, nhưng không kịp, voi Rê đã hết thở. Nhà vua sắc xây đền thờ, tức là đền Long-châu nói ở đoạn trên.

Khi xưa Nhà-Vua dùng cạp voi để trị tội những người dân bà có chồng mà còn có người tình. Về tục này người ta thường kể truyền rằng:

Khi người dân bà nào đã có chồng mà lại bắt được quật tang có ngoại tình thời bị khép vào tội « voi giầy ». Ngày giờ hành-binh có công-bố trước, nên người ta kéo đi xem rất đông; đông vì tinh hiếu-lý cũng có, mà động vì chông kéo vào dự đi coi cũng có! Chừng-kết-quả ràng rợn của một người dân bà có rở hai chữ tiết hạnh, thật là một bài học lý không gì bằng. Hôm hành-binh, người dân bà bị tội vào một cái cạp giữa lặt có, xung quanh có hàng rào. Tới giờ, người ta thả voi vào. Đeo thắt tay không cầm đao mà-lưu sắc bên, nhưng giữ cái vòi quấn-bám ra cuốn người dân bà kia và nếu luôn cái cạp có mà người dân bà bị tội choi vào dây. Voi quẩn ngang lưng người có tội giờ hùng lên, vì đi quanh mấy vòng, như giới-thiện với hàng rào người bên ngoài « coi con người lằng-lay »! Rồi với truyền người dân bà ấy lên lấy voi để rồi lại tung lên lần nữa nhưng lần này, không đỡ bằng voi mà đỡ bằng ngà, nên truyền thường nghe người dân bà. Nhưng lúc bấy giờ người ấy có thể tự-động cầm đao đâm voi, nhưng từ lúc voi chưa được tội thối-thối. Cuối cùng voi còn dạt cái cạp xuống bãi cỏ, lấy chân sỏ lên rồi nếu muốn chôn kẻ dâm-phụ kia ngay nơi pháp-trường!

Kim-triều có 8 con voi: Du-Đông, Nhứt-Hồng, An-Bắc, Hư-Xương, Bàn-Lai, Ban-Quì... nuôi tại Hào-Bổ, gần cửa Hòa-Bình trong Kinh-thành, nhưng hiện nay Bộ Công-lục đã cho dời nhà nuôi voi lên làng dân Nam-Giao,

vì thường ngày voi đi kiếm ăn ở mạn Ngự-Binh, phải đi qua cầu Trường-biên bất tiện cho xe và người qua lại.

Voi Du-Đông lớn nhất (hơn 30 tuổi) hai ngà dài và lại to. Thường buổi đại lễ nào ở Đại-Nội, Du-Đông cũng được dùng cầm cờ kiêu Kim-thủy. Những buổi trước Hoàng-thượng lên Đàn Nam-Giao tế Trời Đất, Du-Đông đều được đi tiên-phong. Hiện nay một voi người nhà quê ở Huế tin đi đoàn thường ôm con luồn qua đống voi trước Du-Đông để lấy khước. Họ cho rằng làm như thế, con khước sẽ lấy may lớn như voi thời!

Bởi voi Nhà-Vua, voi có công-trang, nên trước khi thăng-bá, không quên đi-chiến hát đưc trong voi bằng đá, dùng châu ngọc lằng-lằng vào lưng. Và không biết có phải vì giông khia voi nên từ đời Thành-Thái đến giờ, tục thường xướng bằng cách cho voi đấu với cạp đã bỏ, không còn mấy ai nhớ đến.

T. L. N. X. N.

Đáp Đất



Truyện Tết của
LÊ TAM - KÍNH

Mụ Mọc hết tang chưởng năm ba mươi lăm tuổi. Chưa già, nhà nghèo và không con trai, đáng lẽ mụ phải cầu-giá để kiếm chỗ nương thân về sau. Nhưng mụ cứ khăng-khăng « vậy », cương-quyết-ừ-chối-từ cả những người nỡn mới đưa tin. Không phải mụ đối với chồng xưa, tình-nghĩa quá nặng ra đi không dứt. Không phải mụ mơ-màng tâm-biên « Tiết-Hạnh Khả-Phong » mà nhà Vua sẽ ban thưởng lộc về gia. Không phải thế. Mụ không buồn đi bước nữa là vì mụ thương đứa con côi, con Mọc, bảy giờ mới lên năm tuổi. Hầu cả bà con thân-thích, chỉ cần về mặt người, chỉ một nghèo-xo-sắc và một người cậu xa-keo-xén. Mụ cái-giá, con mụ chỉ còn cách đi ăn may! Chẳng lẽ lại đi nhờ chồng mới nuôi con cho mình! Ôi! nhớ chồng! Ngủ đến sự nhớ chồng, mụ quên-đá cả người! Mụ đã điều-đứng khốn-nạn vì chồng. Ông Mọc trước là cái gông nặng đeo vào cổ mụ. Ông chỉ biết đánh bà, đánh... chèn và... đánh vợ khi không nặc được tiền để đánh hai thứ trên. Là một người giàu lòng nhân-nhục, giàu đức hi-sinh, mụ cần rằng cứu được, nai lưng làm việc, đêm mưa giải giũ, một nắng hai sương để cung đón đầy đủ cho cái máy cò, bực, cho cái chum chứa rượu ấy, và để tránh những cơn mắng chửi lời mạt, những trận đòn vọt lưng, cho đến ngày ông tắt thở. Ông chết dần-dai và đã đành, một giờ sau một tai chấn. Tuy có thương chồng yêu-đó, mụ có tài mánh-gia-huà hiềm-hoi, nhưng song-việc mà chạy, mụ cũng thấy trong mình như-như như vữa vữa cái được gánh nặng. Và từ đó, không màng chấp lại một tờ, mụ ở lại thế chồng, nuôi con cho ăn-khế. Mụ lên rừng kiếm củi, hái sim. Mụ xuống hồ mò cua, bắt cá. Mụ cấy thuê, mướn quanh quẩn trong xóm tùy thời-tiết, tùy thời vụ. Người mụ thấp và nhỏ, nhưng da mụ đen và sần, bắp thịt nở và chắc. Tình mụ cần thận và siêng-năng, nên công việc mụ làm gấp ba gấp bốn kẻ khác. Mụ được làm vợ con cho mụ, vì mụ là em họ của bà ngoại tôi, đối với mụ tôi còn có chút tình di-cha. Mụ tôi thương mụ và coi mụ như người nhà. Ngoài tiền công, thỉnh-thoảng lại giúp đôi thêm kèi ốm đau, giỗ tết.

Buổi sáng, mụ dậy thật sớm, nấu cơm và nấu canh. Sau bữa cơm xong, khi con và lợn đã ăn no rồi, mụ cắp nón ra đi, gặp Mọc giữ

— Lý nà, thằng Kình rứa mà « may » ả đó đó. Khi mai, ra đồng gặp hẳn, đi khỏi sớm một đôi, được ngay hao vắn! Hơ hơ! đây nà!

Tôi bỏ bát chạy ra:

— Mồ mồ, mồ mồ.

Tôi cầm đồng nua, dẫn trên sân gạch kêu cheng lén, rồi trả mụ:

— Mụ cắt đi mà mua gạo, khéo không lại mất thì uổng lắm.

— Ờ, rồi mụ bớt ra mua cho cháu con gá đất. Cháu « may » lắm, tết m đến « đắp đất » (1) cho mụ nha!

Và mong một tết năm sau, tôi đến « đắp đất » ở nhà mụ thật.



nhà cho cần thận. Trưa đôi thì lấy cục cơm to giấu ở đây rồi ra mà ăn với vừng hoặc cá. Những hôm mụ làm ở nhà tôi, hầu qua bên này ăn với mụ, có cá trích, cá thèn, hoặc mìn dóm, không phải nài cơm ngược cũng được và khó tiêu. Bởi vậy mụ Mọc thích đi cuốc, đi cấy cho mụ tôi lắm.

Thưa ấ tôi lên bảy, mới bắt đầu đi học trường làng. Tôi rất quyến-tuyến mụ Mọc và những ngày nghỉ, thường qua nhà mụ chơi. Tôi được mụ cho ăn sủ và ôi luôn. Sim, mụ hái ở rừng; ôi, mụ bắt ở cây trước ngõ. Mụ có ở trước ngõ một gốc di cem nặng trĩu những trái vàng về mùa hè. Mụ giận nhỏ tôi: « Giấu di, giấu di, đừng cho mẹ biết nha ». Mẹ tôi đã nhiều lần rầy mụ về cái tội hiên tội những của độc ấy: « Mụ chỉ làm hại cháu, hẳn đau bụng bỏ cơm, sinh nhọt đầy đầu cũng tại mụ ».

Mụ cưng tôi lắm, cưng tôi hơn mẹ tôi nhiều. Đi cấy về, mụ cho tôi những cơn tắm kình mụ tìm lông-lánh, mắt dài gio lên khép xuống như lưỡi dao nhíp; mụ lấy chạc cọt vào cẳng và tôi dặt « hò » đi gặt có cũng vườn. Đi củi về, mụ cho tôi những cơn họ quít to bằng ngón tay út. Mụ dùng kim khâu một lổ ở cánh cẳng và xanh biếc, xô vào một sợi móc, thế là tôi đã có một cái chong-chong tuyệt đẹp, quay vù vù quanh giầy cẳng thẳng, lung-lung sắc da trời.

Chao ôi! nói làm sao hết kỷ-niệm thời thơ-ấu, thời từ-nhớ còn tươi, khi chép được tất cả các điều mắt thấy tai nghe với tất cả các chi-tiết nhỏ.

Một buổi trưa, đang cầm-cuối viết tập ở nhà trên, tôi nghe thấy mụ bà hò kheo với mụ tôi rằng:

Mụ Mọc chẳng giàu có chi, nhưng mỗi khi Xuân về, mụ cũng mua thịt dã dỏ, kho đông, làm bánh sung, gói bánh chưng, bánh tét. Mụ nói: « Tết đến, người ta ăn uống linh-dinh, mà con mình phải nhai cơm khoai như những ngày thường, tôi làm. Chẳng tốn kém là mấy, làm ra trước cũng chẳng sao con ăn, mất đi mỗ mà sợ! »

Mỗi năm mụ gói một cặp bánh chưng, một đòn bánh tét, gói sẵn chung vào thùng bánh của nhà tôi cho đỡ củi, rồi tôi ba mươi, trước giao-thừa, qua xách về nhà — Nhưng năm ấy, nhận ra rằng tôi « may » lắm, mụ định nhờ tôi sáng mùng một xách tôi đắp đất cho mụ. Mụ tôi không chịu, sợ rằng quanh năm là xảy ra chuyện rủi-ro, mang tiếng. Nhưng mụ năn-nỉ mãi, và sau cùng, nể lời di, mụ tôi phải ưng thuận. Mụ hôn hồ dặt tôi ra sân, cúi xuống, ghé tai tôi thì-hoan: « Mai cháu xin phép mẹ đến thật sớm, mụ cho cam, cho bánh, cho tiền, nhiều lắm, nhiều lắm. Nhớ đến cho sớm nha! » Tôi sướng ran cả người. Tôi cũng được đi đắp đất ư? Đi đắp đất như người lớn ư? Ờ, ơai quá!

Sáng mùng một, tôi dậy khi tờ mờ, mặc quần áo mới vào, chúc tết thầy mẹ tôi và đôi đi ngay.

Mẹ tôi ôn-ôn bảo tôi: « Ở nhà cũng xong, ăn có đã rồi đi, con ạ ».

— Không, con đi rồi về liền, không dám ở lâu. À, mụ cho con bánh pháo qua dốt hẳn nò cho thêm may.

Thầy tôi cau mày: « Mị... ủa dốt được pháo à? »

Sợ ông quá nóng, thôi ra những lời không đáng nói, mụ tôi nhanh nhẩu:

— Con không biết dốt pháo mỗ. Thời muốn đi thì cho đi ngay, mau lên mà về.

Tôi núng-nụ: « Không, không, cho con bánh pháo, con biết dốt, con dốt cứ làm! » Tôi nói dốt, tôi chỉ mớ được xem anh tôi dốt thôi, nhưng nghĩ rằng già được tự mình chạm lửa, tự mình giữ trái pháo thì thú lắm. Tôi kho khoát cái thủ ấ đi vào, và may có cơ-hội, có lăm lăm. Tôi nâng mớ dốt cho kỹ được, và thấy tôi gần khóc, thầy tôi đã trừng mắt, toan nạt, mụ tôi vội vàng hô anh tôi lấy pháo cho tôi. Anh đưa tôi một chuỗi pháo năm tưng-tưng, dốt ở tràng dài ra, chỉ hao cần-thận cách dốt. Tôi khênh thêm một hộp, bỏ pháo vào túi, rồi tay xách bánh tét, tay xách bình chưng ra đi, vênh-vào như một ông tướng. Mụ tôi hỏi với:



— À mà có nhớ phải chú mụ rằng nửa không, con?

— Nhớ rồi, hồi mãi.

Tôi không ngoài có lại, hàm-cúi tiến bước, sau chú trả lời hơi gắt ấ.

Mụ Mọc chờ ở sân, thấy bóng tôi dâng xa, chạy vào nhà, và khi tôi tới ngạch cửa, mụ ở hoảng đờ ra, ấu-ấu:

« Hờ hờ, cháu tại ấ... cháu tại đưa của đến cho tại đây rứa ».

Mụ dõ lảnh, kính-cần dặt lên bàn thờ, chỉ cái gương tre trái chiều mới, vào tôi ngồi, lau dọn vào trong bưng ra một đĩa cam cắt dọc và một đĩa bánh sung dọn sẵn đã lâu.

— Khoan, mụ cho cháu cây dạm, cháu dốt pháo đi.

— Mụ không có pháo thôi...

— Không, pháo của cháu đưa đến dốt cầu may cho mụ.

Vừa nói, tôi vừa vạch túi lấy chuỗi pháo ra, mụ Mọc trở mặt nhìn: « Thật hế! » rồi chạy xuống bếp lấy lửa.

Tôi khênh khay ra sân tay phải cầm pháo, tay trái rung-rung châm lửa vào ngòi. Xi-ì-ì, dạch, dềng! Tôi hết vía, hoảng hốt vội phóng về phía thềm; những cây pháo năm trên dặt phồng, nổ liên-thanh vàng lung tọc. Con lợn trong chuồng học lên, kiếm chỗ chôn. Mọc rúc vào xô, hai tay bịt tai, và mụ, mặt tôi méo, đứng ngay trước cửa nhìn lợn, nhìn một nhà tranh không biết nên la làng lên hay chạy ra đằng sau mức gạo nước dõ lên tràng pháo.

Nhưng trong vài giây, pháo nỏ hết, im-hất. Xắc dõ năm tàn-mác trên sân. Khói bốc tan mau trước làn gió nhẹ. Theo khói bốc, sự kinh-l hãi của mụ Mọc cũng tan liền, dặt lại một nụ cười mừng trên cặp môi còn tái. Tôi hết sợ, cũng vỗ tay, vui-vẻ reo:

— Ha ha, sướng quá, sướng quá, mụ hế.

— Ừ. Thôi hãy giữ thì mới ông khách vô ăn « dõ ngọt ». Mọc ra đây con, tắt pháo rồi. Ra chơi với anh, con!

Về trong khi mụ tôi xuống bếp lục-dụ dọn dẹp, tôi ngồi ăn bánh sung và cam, vừa ăn vừa cười con Mọc nhát gan như ấ. Ờ, sao cam của mụ tôi ngọt đến thế ấ. Và bánh sung của mụ tôi sao mà phồng, mà giòn thế này! Có phải mụ khéo tay hơn mẹ tôi không? Hay vì quả sung, sướng mà tôi sướng lắm?



Cam và bánh gần hết trong đĩa, mụ Mọc bưng một mâm nặng dặt lên bàn thờ, bảo tôi:

— Cháu ở đây, cũng ông « ông ấ ấ cũ nhà! »

— Không, không, cháu về đây, mụ cháu nhà phải về ngay.

Tôi lại-dặt đứng dậy. Mụ tôi biết giữ không được, mợc bọc lấy ra một cuộn tiền bọc chặt đưa cho tôi: « Cháu không chịu ở thì cháu về. Đây, năm mớ mớ mớ mớ cháu một trăm, chúc cháu học hành mau giỏi, thi dõ làm quan, cho mụ nhờ vĩa ».

Tôi sợ nhớ tôi hai « chúc-từ » đã học thuộc từ tôi qua, tôi khoanh tay, đọc một hồi trước một mụ:

« Năm mớ, cháu chúc mụ sống lâu, mạnh khỏe, mãi ăn phát tài, nuôi lợn conng lợn ».

Mụ Mọc lắng tai, chú ý nghe, và khi tôi chúc xong, mặt mụ nở-nang, mỉm cười chào, mụ ngồi bệch xuống dặt, một tay ôm ngang lưng tôi, một tay ôm ngang lưng Mọc, nhìn hết cháu đến con, chớp mắt lia-lia, và ở hay, hai giọt lệ tràn ra, từ từ lăn trên má mụ.

— Răng rứa, răng rứa, răng mà mụ khóc, mụ buồn à?

Mụ mỉm cười: « Không, không, mụ không buồn, mụ sung sướng, mụ... ấ ».

Năm mươi lăm tuổi, tôi lên tỉnh học, những công việc đắp đất ở nhà mụ Mọc cho em út tôi. Và mấy năm gần đây, bận đi làm xa, tôi không được về nhà lăm mấy tết. Mỗi lần « xuân sang trên ngọn cây đào », tôi bồi-ngủ nhớ tới quê hương tôi cha mẹ, anh em, có lẽ đang nhấc tên tôi ở một phư ng trời xa thẳm, và từ gia-dinh tôi, tôi nhớ đến gia-dinh mụ Mọc. Ôi! gia-dinh mụ Mọc, một em, một con hai-hai sống cùng nhau trong cảnh nghèo nàn, trong gian nhà lụp-xụp. Chắc mụ

Một cố gắng lớn của anh em trí thức

ĐỀ ĐƯỢC: — là cơ sở thời sự
— gây xúi các bạn đọc hiểu hơn
— và liên lạc thêm các bạn đồng chí

BẮT ĐẦU TỪ SAU SỐ TẾT

BẢO THANH-NGHI RA HẰNG TUÂN

Luôn thể nhà xuất bản THANH-NGHI sẽ cho ra những loại sách có cùng một hình thức như báo THANH-NGHI.

Công việc in-loát do nhà in riêng của báo THANH-NGHI đảm-bảo.

"Tòa báo, bắt đầu từ 1^{er} Février 1944, đơn giá 15 Phố Hàng Bạc, Hanoi. Giấy in: 1943.

ĐÀM TRỊ BÀ CHỒNG HAY HƠN BẾT

ĐÔNG-A

Đàm khắp các nơi. Đàm cả thêm đại-lý các châu, quận, phủ, huyện

Nói đến thuốc: Nhất là nói đến

ĐUC-THANG-HANOI

Cần đại-lý các nơi, điều-kện dễ dàng, không phải ký quỹ.

1^{er} 80, R^{ue} des Médicaments — AKOI

Khỏe và Bò

Chỉ có rượu «Cà-kê» của hiệu YUNG-HUNG 41 Hàng Điều Hanoi là một nhà chuyên môn Rượu «Cà-kê» chuyên uống ấm, bổ thần. Dân ông làm việc nhiều, nhọc mệt, đau lưng. Dân bà sinh nở, kém sữa, ăn ngủ ít, thần uống rượu «Cà-kê» thấy khỏe một cách nhanh chóng khác thường.

TỔNG PHÁT HÀNH TẠI HIỆU

YUNG-HUNG

41, Phố Hàng Điều — HANOI

ĐÃ XUẤT BẢN

TRIẾT-HỌC DESCARTES	4\$50
SIÊU-HIỆN HỌC	5\$00
PHẬT-GIAO TRIẾT-HỌC	3\$50
TRIẾT-HỌC EINSTEIN	2\$30
HỌC-THUYẾT FREUD	2\$50
TRỊ-HẢO TAGORE	4\$50
VĂN-HOÀ TOLSTOI	2\$40
TRIẾT-LÝ và VU-TRU và NHAN-SINH	2\$50
VĂN SÁO	2\$50
MƯỜN LẼ MỘT ĐÊM ở PHU L	2\$50
Ch. IV 2\$50 — quyển V 2\$50 — qu. VI 2\$50 — Hai quyển M và N đang in lại	
NHẠC-SI TÂY PHƯƠNG	1\$50

HÃY ĐỌC

TRĂNG MA LÂU VIỆT

của QUÁCH-TẤN
(Viết theo họ Tân Diên Truyền Kỳ của cụ Nguyễn-Dữ)
PHIẾM AUGUSTE COMTE
của NGUYỄN-ÁI-LANG

MÃI TÂY tức TÂY-XƯƠNG-KY

Bản dịch của NGUYỄN-TỔNG

HÁT ĐẠM NGHỆ TĨNH

(Khảo cứu về Ng. đông-Chi tác giả Việt-nam cổ văn học-sử)

PHẦN NGƯỜI VIỆT-NAM, AI CÙNG PHẢI ĐỌC

KHÔNG-TỬ' HỌC-THUYẾT

của LÊ-VĂN-HOÈ

Tiền bộ 5 quyển, đã ra quyển thứ nhất giá 4\$50

Tựa của Cụ PHẠM-QUYỀN

Một bộ sách khảo về không-học khác hẳn những sách loại ấy từ xưa đến nay, rất chu-đáo tinh-xảo

Bộ sách có giá-trị nhất của

QUỐC-HỌC THU-XÁ

DANH KHẬP MỌI NƠI

Brillantine Crist 1 pure vaseline, đặc điểm nổi là nước hoa thơm và tốt.

BẮN BUÔN, BẮN LẼ

Mr Lê-văn-Dương

TỔNG PHÁT HÀNH

46-48, Rue S^{ur} Saint-Antoine (cạnh Gián) HANOI

Cam-tích-tân

● Chuyên-trị bệnh trẻ con bụng òng, da vàng, gầy còm, biếng ăn hoặc co đùn sản nên dùng thuốc này sẽ được độ da, thêm thịt, hay ăn, chóng lớn, và sạch cam-sai.

Căn-co' tân

● Chuyên-trị bệnh trẻ em cảm sốt, kinh phong, mình nóng, khóc đêm, ho đơm, hay chớ, đầy bụng đi rữa, hoặc sốt liên-miên hay sinh ra chứng sai kinh, dùng thuốc này sẽ khỏe mạnh. Bán tại nhà thuốc THÁI-CỎ số 52, phố Hàng Bạc, Hanoi.

DANG IN

VƯƠNG-DƯƠNG-MINH

của PHAN-VĂN-HOÀ

VIỆT-NAM CỔ-VĂN HỌC-SỬ

quyển II của NGUYỄN-ĐOÀN-CHU

LY-TAO bản dịch của NGUYỄN-TỔNG

ĐẶC BIỆT CỬU-Y. — Luôn luôn tìm

những tác phẩm giá trị để cung hiến đồng bào, trong năm 1944-45 tôi đã ngoài những loại sách triết-học, văn-học, sách dịch, nhà xuất bản Tân-Việt còn cho ra một độc-giả những sách về khoa-lý, xã-hội học, kinh-tế học do những người bali chuyên môn về các khoa ấy.

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN-VIỆT 29, LAMBLÔT — HANOI

Tổng phát hành Saigon — Cholon

nhà sách Mai-Guà, 110, G^oit-Guymer

Authorisé: publié on crée antérieurement à la loi du 13 Décembre 1941. Edité par Hebdomadaire du Trung-Hào Tân-Vân. Imprimé chez Trung-Hào Tân-Vân, 30, Bd. Henri d'Orléans, Hanoi. Certifié exacte l'insertion. Tirage de 25000 exemplaires. L'Administrateur-Gérant: Nguyễn-đoàn-VƯƠNG.

Wuonoe